

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc năm 2016

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Xét Tờ trình số 4584/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh về kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2016; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc và hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp của tỉnh Quảng Trị (có phụ lục kèm theo) như sau:

1. Tổng chỉ tiêu biên chế hành chính: 2.051 biên chế.
2. Tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập: 17.577 chỉ tiêu.

Trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 13.658 chỉ tiêu;
- Sự nghiệp y tế: 3.004 chỉ tiêu;
- Sự nghiệp văn hóa - Thể thao: 364 chỉ tiêu;
- Sự nghiệp khác: 551 chỉ tiêu.

3. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ: 229 chỉ tiêu.

4. Hợp đồng khác (UBND tỉnh hợp đồng): 158 chỉ tiêu.

5. Số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp: 852 chỉ tiêu.

Điều 2. Giao UBND tỉnh

1. Trình Bộ Nội vụ, Thủ tướng Chính phủ

- Bổ sung chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc năm 2016 còn thiếu. Khi được bổ sung, thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh quyết định;

- Thẩm định, phê duyệt danh mục vị trí việc làm và số người làm việc trong các cơ quan, đơn vị để làm cơ sở cho việc xác định và giao biên chế trong các cơ quan hành chính và số người làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Có giải pháp đẩy mạnh thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế để cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo đúng vị trí việc làm, số người làm việc và cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Xác định tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu là 10% biên chế so với biên chế giao năm 2015; các cơ quan, đơn vị chưa xây dựng đề án tinh giản biên chế hoặc xây dựng chưa đạt mức tối thiểu 10% quy định sẽ không xem xét tuyển dụng mới, bổ sung biên chế khi được bổ sung nhiệm vụ hoặc thành lập mới tổ chức. Số công chức, viên chức được tuyển mới không quá 50% số biên chế công chức, viên chức đã thực hiện tinh giản biên chế và không quá 50% số biên chế công chức, viên chức đã giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc thôi việc theo quy định (trừ công chức cấp xã), 50% số biên chế còn lại được cắt giảm và đưa vào biên chế dự phòng do cơ quan có thẩm quyền quản lý để sử dụng cho việc thành lập tổ chức mới hoặc triển khai các nhiệm vụ mới được cấp có thẩm quyền giao.

3. Triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần để đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ công và hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Giao UBND tỉnh triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Quảng Trị khóa VI, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc

Phụ lục
CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM 2016
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Đơn vị	Tổng số	Kế hoạch năm 2016									Hợp đồng khác	Trả lương từ nguồn thu SN của ĐV
			Tổng số BCHC + SNLV	Biên chế HC	Số người làm việc				HD 68	HD 68			
					SNGD	SNYT	SN VHTT	SN khác		HC	SN		
	<i>1</i>	$2 = 3+9$	$3 = 4+5+6+7+8$	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	$9 = 10+11$	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
I	Sở, Ban ngành	7,504	7,310	1,102	2,599	2,958	210	441	194	95	99	121	738
1	Sở Công Thương	111	98	89				9	13	11	2	2	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	2,400	2395	53	2,342				5	1	4		24
3	Sở Giao thông vận tải	37	36	36					1	1		1	179
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	49	46	40				6	3	3			
5	Sở Khoa học và Công nghệ	64	61	34				27	3	3		0	17
6	Sở Lao động, Thương binh và XH	161	142	41	37			64	19	2	17		17
7	Sở Nội vụ	74	65	60				5	9	6	3		
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	538	519	282	41			196	19	16	3	86	139
9	Sở Ngoại vụ	23	22	22					1	1			
10	Sở Tư pháp	60	54	28				26	6	2	4		7
11	Sở Tài chính	50	48	48					2	2			
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	72	68	53				15	4	3	1		138
13	Sở Thông tin và Truyền thông	30	27	24				3	3	3			10
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	202	178	38			131	9	24	4	20	17	93
15	Sở Xây dựng	36	35	32				3	1	1			10
16	Sở Y tế	3,053	3011	56		2,955			42	5	37		
17	Tổng đội Thanh niên xung phong	4	4					4	0			3	
18	Thanh tra tỉnh	31	29	29					2	2			
19	Trường Cao đẳng Sư phạm	135	135		135				0				5
20	Trường Cao đẳng Y tế	44	44		44				0				
21	Văn phòng UBND tỉnh	71	59	45				14	12	12			36

22	VP ĐDBQH và HĐND tỉnh	42	37	37					5	5			
23	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	60	59			59			1		1		37
24	Ban Dân tộc	29	27	27					2	1	1		
25	Ban Quản lý các khu Kinh tế	51	39	28			11		12	11	1	11	21
26	Hội Nạn nhân CD da cam	1	1				1						
27	Hội Đông y	3	3		3								
28	Hội Bảo trợ người KT và TMC	2	2				2						
29	Hội Chữ thập đỏ	14	13				13		1		1		
30	Hội KHHGD	1	0						1		1		2
31	Hội Làm vườn	2	2				2						
32	Hội Người mù	3	3				3						3
33	Hội Nhà báo	3	3			3						1	
34	Hội VHNT	18	17			17			1		1		
35	Liên hiệp các Hội KHKT	6	5				5		1		1		
36	Liên hiệp các TCHN	3	3				3						
37	Liên minh HTX	18	17				17		1		1		
38	Hội Khuyến học	1	1				1						
39	Hội Cựu TNXP	1	1				1						
40	Ban Đại diện Hội NCT	1	1				1						
II	Huyện, thị xã, thành phố	12,353	12,318	949	11,059	46	154	110	35	28	7	37	114
1	Thành phố Đông Hà	1,156	1,149	119	993	5	20	12	7	7		5	25
2	Thị xã Quảng Trị	499	492	83	382	5	12	10	7	3	4		3
3	Huyện Vĩnh Linh	1,532	1,530	106	1,393	5	14	12	2	2			18
4	Huyện Gio Linh	1,498	1,496	102	1,364	5	14	11	2	1	1		11
5	Huyện Triệu Phong	1,741	1,736	106	1,596	5	17	12	5	5			18
6	Huyện Hải Lăng	1,646	1,642	106	1,507	5	13	11	4	3	1		
7	Huyện Cam Lộ	950	949	91	829	5	14	10	1	1			10
8	Huyện Đakrông	1,233	1,229	105	1,085	5	24	10	4	4		2	7
9	Huyện Hướng Hóa	2,064	2,064	113	1,908	5	25	13				30	22
10	Huyện Đảo Côn Cỏ	34	31	18	2	1	1	9	3	2	1		
	Cộng toàn tỉnh	19,857	19,628	2,051	13,658	3,004	364	551	229	123	106	158	852